

TÔ HOÀI

cát bụi chân ai



TÔ HOÀI

cát bụi chân ai



  NXB Hội Nhà Văn

“CÁT BỤI CHÂN AI”

- TÔ HOÀI -

Được xuất bản theo hợp đồng trao quyền sử dụng tác phẩm
giữa tác giả và Công ty TNHH Sách Phương Nam.

Mọi sao chép, trích dẫn phải có sự đồng ý của
Công ty TNHH Sách Phương Nam.



TaiLieu.vn

Chương 1



TÔI KÉM NGUYỄN TUÂN MƯỜI TUỔI. Trước kia, tôi không quen Nguyễn Tuân.

Quãng đầu thập kỷ bốn mươi, báo *Hà Nội Tân văn*, báo *Chủ Nhật* mới in của tôi mấy truyện ngắn: *Nước lên*, *Mê gái (Con gà ri)*, *Bãi ô-tô*, *Một đêm sáng giăng sông*. Hình như Nguyễn Hồng đã chỉ cho tôi biết Nguyễn Tuân đương lững thững bên kia hè đường Bờ Hồ. Những tiểu thuyết *Thiếu quê hương* đương in từng kỳ trên tuần báo *Hà Nội Tân văn* và những truyện ngắn của Nguyễn Tuân đăng các báo *Tiểu thuyết Thứ bảy*, *Tao đàn*, *Thời vụ*, *Bạn đường* cũng có phần hơi hưởng dấu vết trong chữ nghĩa bước đầu đời viết của tôi mà Vũ Ngọc Phan, ở sách *Nhà Văn Hiện Đại* đã đề tôi nên dè chừng cái giọng khinh bạc học đòi ấy.

Đi bên này hồ Gươm thấy Nguyễn Tuân ngồi trong nhà hàng Hoàng Gia, cái quán rượu kiểu Pháp che cánh sáo ra kín vỉa hè. Nhà văn chơi chua khác đời. Khăn lượt võ, áo gấm trần, tay chống dọc chiếc quạt thước thay ba toong, chân bít tất dận giày mồm nhái Gia Định. Năm ấy, Nguyễn Tuân cũng chỉ khoảng trên ba mươi đôi chút. Ngoài đường phố chẳng ai ăn mặc kiểu cách khác thường thế, nếu không phải quan tri phủ, quan thương tá ngồi xe nhà, áo sa phủ áo gấm, áo đoạn, vừa ý tứ vừa khoe chiếc bài ngà dây kim tuyến thấp thoáng trong ngực áo. Quán Tavec Royan này chỉ Tây lui tới. Bên trong, nhảy đầm, dàn nhạc. Nhạc sĩ Nguyễn Xuân Khoát vượn cổ cò trên cái đại vĩ cầm cao ngang mặt người chơi, những tiếng nảy ra rên gầm gừ.

Nhưng những con người dị dạng này cũng chẳng làm khác mắt mấy cái thành phố không còn điều hui, vài năm nay đã nhốn nháo bọn dựa thế Nhật, đầu trọc để trần, áo ka ki ống tay rộng vàng nhạt đi ghệt da cao, lằm lì và nhâng nháo. Chẳng đoán được, Nhật thật hay Nhật mỹ ký. Rồi thì tôi xem Nguyễn Tuân đóng vai người đi săn ở kịch *Ngã ba* của Đoàn Phú Tứ. Tôi thấy Nguyễn Tuân thoáng mấy giây một cái bóng người y tá khiêng cáng trong phim *Cánh đồng ma* của Đàm Quang Thiện.

Cũng thấy chán. Nhưng đọc bút ký *Một chuyến đi* viết về Hương Cảng thì bâng khuâng nhiều. Mấy lần ở cuộc họp tổ bí mật, nghe Như Phong báo cáo thuyết phục Nguyễn Tuân vào Văn Hóa Cứu Quốc, chưa có kết quả. Nguyễn Tuân bảo Như Phong: Ở Hà Nội này, đưa nào Việt Minh, đưa nào tờ-rốt-kít, đưa nào Đại Việt, Quốc dân đảng, đưa nào bố láo cách mệnh mồm khoác lác, đưa nào ăn tiền mật thám, tớ biết cả. Nghe nói tợn tạo trắng trợn, Như Phong mượn một quyển sách rồi ra về.

Những cái biết của tôi về Nguyễn Tuân hồi ấy chỉ mang máng thế.

Đem cái duyên đẹp để mọi bề quàng cho Nguyễn Tuân có thể chưa kín nghĩa, mà cũng không hẳn đúng. Về văn và cả về đời. Có người mê Nguyễn Tuân như điệu đố, từng chữ. Có người chỉ lướt một đoạn đã không chịu được cái giọng khụng khiêng, khệnh khạng. Triết lý và câu văn Nguyễn Tuân không giống vị hoài sơn trong thang thuốc bắc, ghê bổ một tý, lại vô thưởng vô phạt. Cái chơi của Nguyễn Tuân cũng thế. Với người này, không thể thiếu Nguyễn Tuân. Người kia thì không chịu đựng được. Ô hay, người ta ra người ta thì người ta phải là người ta đã chứ.

Nhớ lại năm ấy, ở gian hàng quà chợ Đồng Xuân còn cái bà nạ dòng khăn nhưng áo cánh phin nồn đeo chuỗi hạt cầm thạch phơn phớt xanh - hàng bún thang ngon có tiếng. Chỉ một bát thang con bún lá, giọt cà cuống thơm một cách khó chịu mà lại không có không được, cũng có thể viết lên một cái gì. Nói bâng quơ, chẳng ra nhủ mình, chẳng ra cho người khác. Những cái ấy phải viết, viết. Như những đêm áp Tết, năm cùng tháng tận, lại lấy ra mấy cái đĩa hăng Pa-thé mua được ở chợ Giời, mà nghe ả Đàm Mộng Hoàn: *Gió hơi gió, phong trần ta đã chán... Cánh chim bằng chín vạn những chờ mong...* Thế nào ông ấy cũng lại nói: Cái hơi của Mộng Hoàn thì sang, nhưng không đẹp bằng giọng bà Chu. Phải viết, cái này phải viết

thôi. Những năm về sau, Nguyễn Tuân vẫn làm việc cho viết, khắc khoải sự viết, mà không viết bao nhiêu. Ở đây nữa, chính bởi hơi sức và trong tâm sự. Phải đến Nguyễn Tuân viết ra thì cũng một vùng phố xá ấy mới thành tên gọi, mới thành Phố Phái - hai chữ của Nguyễn Tuân sáng tạo đặt tên cho tranh Bùi Xuân Phái. Và trong cuộc chơi, ông cửa hàng trưởng Bôđêga, chú nhà bàn, nhà bếp khách sạn Thống Nhất hay bác Chử bán cháo gà gõ ống thổi làm phách hát ả đào giọng chèo ở ngã sáu dốc Hàng Kèn, hay khi lên chơi nhà ông Ba trên Nghĩa Đô thì dẫu cho Nguyễn Tuân chưa hề quen, cũng không phải là trùm trò, các chủ quán, chủ nhà đều trân trọng như ông ấy mới là chủ cuộc. Cái duyên ấy xưa nay vẫn như một.

Những năm trước 60, cái dốc ngã sáu Hàng Kèn ban đêm thanh vắng lắm. Những cây sấu, cây sữa cũng chưa như mấy năm sau phải một trận bom Mỹ đánh sập hai ngôi nhà và mấy gốc cổ thụ. Bờ hè dưới hai hàng cây hiu hắt khơi lại cảnh xưa cũ, còn cái bờ tường đắp dòng chữ xi măng nổi Phúc Đình cha, tên hiệu thuốc sốt rét nổi tiếng một thời. Nhớ Cây Thị Hàng Kèn đầu Lê Lợi, cuối Hàng Giò nhiều hơn tên phố mới, đối với chúng tôi. Mấy hàng phở gánh và quán cóc. Nơi ăn đường ăn chợ này không chè chén xô bồ như trên ngõ Sầm Công, chim quay Tiểu Lạc Viên, cà phê phin Ca, cà phê đá Lý Hảo... cũng không ví được với cơm tấm Tân Việt, Việt Hương quanh chợ Hôm gần đấy.

Dốc Cây Thị không còn cây thị, hàng quán chỉ rải rác có buổi. Ngồi đây, đầu phố Hàm Long nhìn sang sở Văn Tự, tưởng như lão Tàu Bay còn gánh phở bán buổi sớm. Cũng cạnh đấy, bên dãy nhà mà thời tạm chiếm Pháp đặt đài phát thanh Con Nhạn của quân viễn chinh, hồi Tiền Khởi Nghĩa, đội AS (ám sát) của Việt Minh đã bắn chết Thiên Nga, nữ đặc vụ của Nhật trong quán cà phê này. Nhưng không phải chỗ hàng cà phê của ông cắt tóc ở hợp tác xã chỗ ngã sáu mới về mở, đêm B52 ấy, một vỏ tên lửa rơi gây vồng cái mái hiên. Những biến thiên của con người phố xá, chẳng nổi lại mà chỉ có ngôi bút Nguyễn Tuân mới phát hiện cho người đọc thấy được những lảng vảng góc gác, như muôn vật trong trời đất, khác nhau mà lại dính líu với nhau. Những ngã năm, ngã tư, ngã bảy, người đi lại sinh ra đường cái và mọi sinh hoạt, làm ăn, đắp đổi, người hút thuốc lào thì có người bán đóm, phường chợ thì có người đóng đinh đế giày, ông bán hàng nước chè tươi, ông lão chữa giày dép với khách dừng chân.

Phở Tàu Bay - mà bây giờ ở Sài Gòn có vài ba quán của các bà phòng nhất, phòng nhì và con cháu ông Tàu Bay đã quá cố, cũng đôi chút phảng phất mùi vị phở Bắc, gánh phở ông Tàu Bay xưa đổ cạnh dốc bên gốc cây thị đầu sân vào sở Văn Tự - không biết tại sao người qua đường lại đặt tên công sở ấy là sở Văn Tự. Có lẽ cũng như chỉ tình cờ một câu bông đùa cái mũ da lưỡi trai hơi dài khác thường của ông hàng so sánh với chiếc mũ phi công mà thành tên phở Tàu Bay, một hàng phở gánh buổi sáng. Thời ấy, sáng, trưa, tối đều đặn cho người ăn quà phở mà không phải là dùng phở đến no. Hiếm cửa hàng phở, hiệu phở, rất phở gánh, chuyên phở nước. Phở hiệu xào ròn, xào mềm, tái lăn, sốt vang, bát phở bên đĩa mùi, húng và cút rượu trắng. Phở gánh, món quà nhẹ. Ngủ trưa dậy, tối khuya trước khi đi ngủ. Không ai khai tâm chén rượu lúc ăn phở bát. Thịt bò chín từng tảng, cũng chưa rạch rời mấy chỗ nạm, gầu, mỡ hay như. Trong cái bát chiết yêu loe miệng thắt đáy, nước dùng bốc khói mà trong như nước mưa li ti nổi chút váng mỡ vàng, lơ thơ mấy lát hành hoa, rau mùi. Làm bát nào, thịt thái bát ấy. Đào phở, bánh trôi lên quá, bánh trưng, ăn phải bỏ dở. Nhưng dạo ăn phở của Nguyễn Tuân có cách riêng.

Trong lòng via hè ngã sáu quang đấng cứ khoảng mười giờ tối trở đi mới lập lòe hàng quán. Những tối thứ bảy, từ đầu Hàng Đào xuống Tràng Thi, đến tận chợ Đuối, mọi ngã ba ngã bảy đều kê bục, cắm cờ. Các đoàn văn công nhảy sạp rầm rập. Tiếng Trần Chất hát *Chiếc khăn piêu* đến đỉnh tai trong loa. Người xem chen chúc lúc ấy mới vãn. Đội quân cảnh đeo băng đỏ đã bắt đầu đi tuần đêm thiết quân luật. Các gánh lục tào xá cháo gà phải hai ba giờ sáng mới hết hàng. Đã quảy về còn có người gọi theo. Bình yên, chẳng ai nhớ thành phố hãy còn phải quản trị theo chế độ quân sự. Dọn hàng quá khuya đã thành lệ.

Khi có hàng quà, những ngã ba đã vắng vắng lại hiện ra bộ mặt khác. Chốc chốc, thông thả qua một xe đạp lênh khênh, tiếng vòng nan hoa quay gió vù vù. Cái xe trâu Trung Quốc nặng như cùm được người ta vác từ chiến khu Thái Nguyên Việt Bắc về. Gánh cháo gà bác Chử đã dềnh hảnh xuống mặt đường nhựa. Chiếc chậu nhôm đựng nước, cậu con trai thả chông bát vào chậu rồi nhặt ra từng cái, khăn lau miết quanh miệng chiếc bát rạch của những khách ăn mở hàng. Rồi bác Chử thừ ra. Như còn tiếc đám múa sạp lúc nãy

hay sao. Bác Chử cầm chiếc ống nứa thổi pho pho vào cửa lò mới được cời, mẩu củi hồng rực.

Rồi lại quay ra, ngồi lên bó củi, một tay đấm lưng, tay kia gõ cái ống nứa giả vờ điểm tiếng róc phách, chốc lại tom chát đánh nhịp xuống thành thùng bát, miệng ư ừ giọng mũi như rên:

Nam nhi đứng ở trong trời đất

Quyết ăn chơi cho đủ mùi đời

Sự cùng thông bỉ thái tự trời

Sông có khúc con người có lúc...

Bộ quần áo nâu dày mo nang dưới ánh ngọn điện chao lắc lư trên dây giữa đường. Mặt nhăn nhó đăm đăm, chẳng biết đương phởn hay buồn nổi hóng khách. Chốc lại cầm ống nứa thổi bộp, xong lại rên rĩ: Nam nhi đứng ở... Tôi không trông rõ thật mặt cái bác cháo gà Chử ấy ban ngày bao giờ. Như người với ma, nửa đêm đến rạng sáng thì lặn. Bác Chử nhìn hò háy trước ánh lửa, mắt ấy không viền vải tây điều tất cũng lông quặm. Dần dần người ngợm ở đâu cứ lẩn thần ra, như cỗ tam cúc phải đủ xe pháo mã với năm quân tốt hìn. Gánh lục tào xá lù lù đến ghé cạnh. Cái ông chè đậu xanh lục tào xá thoát hiện ra thật oai. Như đức Quan Ngài hồi tiền nhật còn ở ẩn kết nghĩa với ông cháo gà Lưu Bị dưới gốc dâu cây sữa xòe tán lá ba tầng ba lọng vàng diềm về sau làm vua. Lão râu đen dài, trán nhăn hói bóng lên nửa đầu, khi chưa gặp thời thì quảy hàng mà thôi. Nhưng ngắm kỹ, chưa chắc lão đã bằng tuổi tôi băm lăm lúc ấy. Có lẽ chỉ mới năm trước còn thói quen nuôi râu giả già để trốn quân dịch, nhiều người mắt đảo như chớp, nhưng râu ria lông thổng.

Áp chân tường số nhà 81, ông hàng cà phê bít tất. Cũng là trông hình thù mà tưởng ra, cà phê pha vào ấm nhôm, mảnh vải lọc thông xuống như chiếc bít tất nâu. Ngọn đèn hoa kỳ lom đom giữa mặt chổng tre, ngổn ngang mấy cái ghế con đặt quanh. Khách ngồi xuống, trông lên mới thấy mặt ông hàng lom khom, bóng loáng nắng gió đồng chiêm. Bộ quần áo nâu non nhờ nhếch, dáng ngợ ngợ như đương lăm nhăm ai trả tiền, ai lĩnh mất. Nguyễn Tuân không thích cái cà phê hâm nóng đầu đường thế này. Nhưng vẫn thường ghé xe đạp dựng lên gốc cây xà cừ. Không biết có phải chỉ bởi thói quen xưa cũ cứ tối tối, tôi lại rước tôi ra đường! Những đêm gió lùa rào rạt mặt nhựa, nhồi thêm thuốc vào tẩu, ngồi tránh vào bên gốc xà cừ gồ ghề - Nguyễn không chịu được mùi hoa sữa, ghét lây cả cái cây. Chén cà phê sành nâu lồi lõm, có khi chỉ nhấp một ngụm, rồi bỏ lạnh ngắt. Dường như ngại tôi có thể vì ông ấy mà áy náy không biết cà phê hạt muông hay ngô rang.

Nguyễn Tuân nói: Mặc kệ mình. Cậu cứ việc hỏi tường. Ông anh nghĩ tôi đương ngắm nghĩa một kỷ niệm đâu đó nên mới ư lai vãng tới đây, bởi biết tôi vốn cũng lạnh nhạt với cà phê. Vào quãng giữa thế kỷ này thành phố và con người đều trải nhiều quãng đời chẳng mắt xích với nhau. Tôi cũng như vậy. Tôi đến cái ngã năm, ngã sáu này không phải ngẫu nhiên. Mười năm trước, ven hồ đằng kia, còn những tòa biệt thự mọc lên giữa những bụi chuối um tùm. Mặt trận đã lan đến đấy, tan hoang cả. Tôi làm phóng viên của báo *Cứu Quốc* thường qua lại đây, khi xuống tuyến phòng thủ phía chợ Mơ. Có hôm ngủ đêm lại trong ngôi nhà bỏ không. Ở chỗ chúng tôi đương ngồi, tiếng súng và người núp ngã xuống bên mỗi gốc cây. Báo *Thủ Đô* đăng tin chiến sĩ Nguyễn Thành ôm bom ba càng lao vào xe tăng địch từ hồ Thiên Công tới. Quả bom đầu tiên của quân giới ta tự tạo có lẽ được tung ra ở chỗ kia đấy. Thành phố đương tổ chức tìm đào hài cốt liệt sĩ và người chết đường. Ban ngày, trên vỉa hè đặt hàng dãy những chiếc tiểu khói hương nghi ngút.

Ở cái ngã sáu đường đời ấy vẫn leo lét ngọn đèn con của lão cà phê 81, ánh đèn chai và lửa bếp thùng cháo bác Chử. Mấy cái xích lô tã chốc lại lạch xạch lượn lờ qua. Trông mặt người đạp xe cũng có thể đoán được tông tích, mỗi người đều hằn nét bộ mặt thời gian và tờ lịch hàng ngày của thành phố. Có lão râu xồm khuya về uống rượu húp cháo rồi nằm vắt người trên đệm xe, sà xe ngủ bên gốc cây. Đấy là các ông chánh, ông lý tề vừa chạy Tây càn, vừa sợ Việt Minh trả thù đã bỏ các vùng trắng ven nội vào đây. Đám cơ sở ta hốt chết trốn vào thành, trẻ hơn và đỡ lăm lì, có thể lại công tác bí mật, không ác ôn như mấy lão xích lô râu rậm kia. Nguyễn Tuân bảo: Cậu có để ý đường phố bên Bắc Kinh lúc gần sáng, những xe la, xe lừa bánh gỗ cao lênh khênh, những lão đánh xe đầu hói như quả dưa hấu ngồi ngất ngưỡng trên đồng củ cải, vẫn oai phong chẳng khác Tường Giới Thạch, Uống Tinh Vệ thất thế!

Tôi bàn theo:

- Lão xế lô, lão lục tào xá này nhất định là tề ngục cũ. Cả lão cà phê bít tất, lão cháo gà dấm dớ thế nhưng trông tay thoăn thoắt nhặt tiền, xếp tiền thế kia đủ biết.

Nguyễn Tuân hỏi:

- Có nhớ Két không?

- Tay Két trình sát tiểu đoàn 54?

- Cứ ngồi đây mình lại nhớ nó. Không hiểu sao.

Khói thuốc trong nỏ tẩu phàm phập bốc xanh trắng um lên.

Thì ra, ở cái đầu đường đêm hôm chẳng thú vị mấy chút, chính Nguyễn Tuân mới đương hồi tưởng. Ở mỗi cái cùng trông thấy, nhưng từng người lại ngờ khác nhau. Thế nào mà ở đây Nguyễn Tuân lại nhớ tới Két chiến dịch sông Thao mùa hạ 1949. Chập tối ấy, bộ đội qua sông xuống đò bến đền Đông Công gần Mậu A, rồi hành quân suốt đêm vào hậu địch để kịp chiều hôm sau đánh đồn Đại Bực. Tình cờ, chúng tôi gặp lại Két ở Mậu A, Nguyễn Tuân quen Két của Trung đoàn Thủ đô. Chiến dịch ấy, trung đội trưởng trình sát Két đã hy sinh, nằm lại bờ bên kia sông Thao.

Đi và đi thực và mộng cả đời Nguyễn Tuân. Làm thế nào đi được, chỉ cốt đi được. Năm 1937, Nguyễn Tuân ra Hương Cảng làm tài tử màn bạc. Phim truyện Việt Nam, chủ Trung Quốc thuê một số người ở Hà Nội sang đóng. Tôi đã xem *Cánh đồng ma* ở rạp Hiệp Thành phố Hàng Bạc - rạp chèo cải lương, thỉnh thoảng chiếu phim phong thần, kiếm hiệp bán vé một hào đồng hạng. Phim *Cánh đồng ma* đầu Ngô mình Sở. Nguyễn Tuân đóng một vai phụ - có thể lời người đi ngoài đường vào sắm vai cũng được, đấy là người y tá mặc áo lui trắng, nâng đầu cáng thương, lừ lừ qua ống kính chớp nhoáng một hai giây. Có thể thôi, mà Nguyễn Tuân lặn lội sang Hương Cảng trong lúc năm hết Tết đến.

Cũng không phải chơi bời đua đả. Đám hồ lốn đóng phim còn lục đục lừa nhau, chửi bới nhau vì các chủ phim tranh nhau xé đám phu mộ đóng phim này đã làm thêm phim *Trận phong ba* tôi quá gửi về nước tranh khách trước nhưng không có người xem. Nguyễn Tuân ở trong đám phu đóng một phim. Cũng không ăn cánh với ai. Bà phê tô Phú ho lao gày rạc dâm dăng đến quái dị, trùm trò Đàm Quang Thiện và Nguyễn Doãn Vượng, điểm mặt cũng không phải ai tri âm tri kỷ khiến Nguyễn Tuân phải dăm đuối bỗng dưng lênh đênh đi. Mà cái thúc giục vẫn là những cơn đói đi của mình. Không khó không dễ, không biết ai, chỉ biết một mình. Nguyễn Tuân muốn đến Hương Cảng, nặng nề và nhẹ nhàng, thế thôi. Trong đêm trừ tịch ở hòn đảo phồn hoa nhất châu Á, hứng thú và buồn với hồn cốt những trang bút ký *Một chuyến đi*, chỉ có tâm sự ấy đã giục giã nhiều.

Một đời ao ước phương trời với một cung cách đi. Trong tiểu thuyết *Thiếu quê hương*, cả một chương mười mấy trang về vùng than với những cảnh Rơđông, cửa Điền Công, những cơn gió ngoài vịnh vào đen nhuyền màu than trùm lên phố biển Hòn Gai. Hồi ấy, Mộng Tuyết - Đông Hồ trong Hà Tiên ra chơi Hà Nội. Hôm về, Nguyễn Tuân tiễn ngoài ga Hàng Cỏ. Nguyễn Tuân có viết về cuộc tiễn biệt ấy trên báo *Bạn Đường* ở Thanh Hóa, đã cười tiên sinh Đông Hồ, tàu sắp chạy, mà vẫn cùng bạn bè lắc lư ngâm vịnh thù tạc suông không có chén. Còn cô Mộng Tuyết thì lại khéo tưởng tượng ra như trông thấy con người ấy hôm nào mới ở vùng gió than, bão than còn cuốn theo đến tận sân ga. Trên khuôn mặt cháy nắng của người lữ hành, hai lỗ mũi cũng xám đen những than là than.

Cô con gái làm thơ ở Phương Thành nhìn Nguyễn mà cảm động, bởi từ xưa kia cô đã ước mơ thêm một hơi gió lạ, khát thở một bầu không khí trời, nước lênh đênh hàng tháng trên biển cả để rồi đổ bộ trên một bến bờ xa. Trải qua khắp kinh tuyến, vĩ tuyến của địa cầu, để đi tới chỗ bốn mùa tuyết rơi, băng đóng đến vùng sa mạc gió nắng lửa than, trèo tuyết núi Hy Mã Lạp Sơn lạnh cóng và tắm nước sông Hằng, vượt biển Đại Tây Dương, qua Hy Lạp, rồi trên lưng lạc đà xem Kim Tự Tháp rồi trở lại thưởng hoa anh đào trong một ngày hội ở Nhật Bản. Ngày hè thì lưu liên các vùng bãi biển Ý Đại Lợi. Thu về thì ngồi xem lá vàng rụng theo các pho tượng của Lúc-Xem-Bua. Bao nhiêu tiếng gọi của Cao Rộng Xa Xăm đã thúc giục ám ảnh mãi lòng thích sống một cuộc đời bấp bênh có nhiều xô dịch, biến đổi của thiếu nữ. Cô thiếu nữ mà ngày còn thơ đã có ý muốn đi tận chân trời. *Thuyền khách sông Hương đêm thất tịch. Lạnh lùng trắng*

nước khúc nam ai... mà ai cảm chung một mối tâm sự nào ruột của khách Giang Châu Tư Mã (Chạnh niềm nhớ cảnh giang hồ, bút ký, Phương Thành một ngày thu muộn, 1939 của Mộng Tuyết).

Cũng một nỗi tình mơ màng như cô Mộng Tuyết, chỉ có rày ước mai ao, thật ra Nguyễn Tuân chưa đi đường bộ quá Mông Dương và đường nước chưa ra khỏi cửa Điền Công tới Móng Cái bao giờ. Phải đến hơn hai mươi năm sau viết trang sách về vùng than, Nguyễn Tuân mới tới Hải Ninh lần đầu, cùng đi với Nguyên Hồng, Vạn Lịch và tôi. Tưởng như khó tin, mà sự thật như thế. Thiên bút ký mệnh mang sóng biển Cửa Đại kia, đọc kỹ thì nhận ra phải nhờ tác giả có người nhà ở Cửa Đại, mới đến được. Ngày ấy, Nguyễn Tuân đã viết một truyện ngắn đăng báo *Tiểu thuyết Thứ bảy*, trên đề: *Tặng ông Đỗ Ngọc Côn, nhà máy đèn Móng Cái*. Khi này, Phạm Duy làm thợ phụ nhà máy điện, ở nhờ ông Đỗ Ngọc Côn (Phạm Duy: *Hồi ký thời cách mạng, kháng chiến - California, 1989*). Mà ông bạn làm nhà máy đèn Móng Cái ở phố chính Clamoocgăng ấy cũng chưa lần nào gửi tiền tàu xe rủ Nguyễn Tuân ra chơi thưởng thức cái hiu hắt nơi địa đầu. Hàng chữ đề tặng chỉ là một ao ước. Mà phải đến dịp nhờ xe của cán bộ Vạn Lịch, mới ra được bãi Trà Cổ, xuống lái than ngược sông Mang lên cầu Bắc Luân - Móng Cái, đến Thán Pún - sự bôn tẩu của chúng tôi có công lệnh và dấu đóng giấy đi đường cẩn thận.

Cầu kỳ và khó tính cũng là tính riêng trong cái thích thú ham đi mà không được đi. Ở phương Đông còn có cái chơi đi mà không đi, ngồi nhà ngắm tranh sơn thủy, nuôi muông thú lạ, uốn cây, gãy cái lá trúc rụng xuống thế giới bể nước nho nhỏ rêu nổi hòn đá cây si bên hòn non bộ có ngôi chùa mái cong, có chú tiều vác củi qua cầu. Cho thỏa cái tưởng tượng mà thôi.

Nguyễn Tuân ở về người thứ nhất, không phải các ông ngồi rung đùi chơi trời đất thu nhỏ vào cái bể sành và núi non bộ. Mà đôi khi chơi cây cảnh, một chút chấp nối. Ở hồ, hờn dỗi, bực bội, nhớ thương không đâu gửi vào một nhánh địa lan cánh tím, một con chó đá canh cửa, một quả phật thủ, một hòn cuội sỏi, một chiếc gối sứ mới đây được bưng ra từ một tiệm hút chợ Cũ Sài Gòn. Nguyễn Tuân chỉ thích đi, nhưng trong mọi sửa soạn còn kỹ lưỡng hơn đi. Mùa hạ năm 1949, Nguyễn Tuân và tôi theo tiểu đoàn 54 Trung đoàn Thủ đô tiến quân vào mở chiến dịch tiêu diệt một chuỗi cứ điểm hành lang bờ sông Thao án ngữ Tây Bắc, các đồn Đại Bực, Đại Phác, Khe Pịa, Ngòi Mác, Mã Yên Sơn lên đến đồn tiểu khu Phố Ràng. Chuyển ấy, tôi đi cùng Nguyễn Tuân - được làm quen với Nguyễn chuyển đi đầu tiên. Tôi đã ghi lại:

Nguyễn Tuân xăm năm quanh cái bi đông nước bọc dạ xanh của anh. Lần đầu tiên ở mặt trận, đi lâu với Nguyễn, tôi mới thấy quá nhiều đức tính của người lên đường. Khỏe, vững, hành trang không thừa, cũng không thiếu một cái gì. Trên lưng, gọn gàng chiếc ba lô Nhật. Một sợi dây nhỏ cũng có chỗ để rồi dùng đến sợi dây. Cuối cùng, mọi thứ giấy má có thể lộ liễu của riêng mình đều phải để lại căn cứ, không được đem theo vào vùng địch. Chỉ một cuốn sổ nhỏ, cái áo mưa, bỏ vào ba lô vừa phải. Một bao cơm nắm, thêm cái thắt lưng lưng khô cuốn chéo ngang mình. Đây bi đông nước, Nguyễn Tuân đã cẩn thận buộc ghì vào thắt lưng cho khi bước đỡ xóc (Ngược sông Thao, phóng sự, Nhà xuất bản Cứu Quốc 1949).

Trong nghề đi - nghề, chứ sao, cẩn thận đã thành thói quen và cầu kỳ đến đam mê. Sửa soạn cũng là khai thác để thưởng thức được chu đáo. Không phải cứ đứng đẵn và khô hài như nhạc sĩ Nguyễn Xuân Khoát. Ở trường lục quân bên Vân Nam về, anh Khoát dạy tôi thuật đi đường giữ được dai sức của Bát lộ quân. Nhanh mười bước lại thông thả ba bước, cứ thế cả ngày chân không biết mỏi. Cẩn thận, mọi thứ trên mình và trong ba lô đều gọi thành con số. Ví như cả thầy đồ đạc có mười lăm thứ. Sáng ra, trước khi đi đếm chỉ có mười bốn. Thế là còn thiếu một. Rõ thật buồn cười, nhưng nếu cười, anh Khoát không bằng lòng. Mọi cẩn thận của Nguyễn Tuân thiết thực hơn, nhưng không thành con số như trên. Ngòi bút chì gài trên túi áo, ngòi đọc cũng ghi lên sách. Không biết đến thế kỷ nào có cái hơn, chứ bút chì trên giấy thì không bao giờ phai. Một tiếp bìa cứng với cái bút chì. Lắm lúc thấy ông bạn đường chịu khó đến vậy, mình vừa để ý, vừa thích vừa ngán ngẩm cho những khó nhọc của nghề đi không biết thế nào là cùng. Lo cho việc đi là yêu đi và biết hưởng thụ đi. Mãi mê quên ngày tháng, nhưng tính đếm sửa soạn cho mãi mê thì phải nhớ từng ly. Cái phóng khoáng của ông ấy không lẫn với buông tuồng, cầu thả.

Mà sự chuẩn bị tỉ mỉ của con người muốn khi ta chết đi, da ta được thuộc làm cái va li cũng khá khác

thường. Năm 1961, Nguyễn Tuân lên Hà Giang dự khánh thành đường Bắc Quang - Hoàng Su Phì. Hòa bình thành thời rồi, nhưng vẫn lại là về rừng, lại đeo cái ba lô Nhật với những sợi dây dù Mỹ buộc màn, không quên chiếc bi đông chiến dịch sông Thao hơn mười năm trước. Giữa đám các thứ linh kinh, một xếp giấy bản lau chén bát, một quyển sách đang đọc và mấy thẻ hương mua thừa ở hàng quen cửa chợ Đồng Xuân. Khánh thành đường mới trên rừng thì nhà khách cũng là mấy cái lán cắm ven đường. Hương chống ẩm, chống muỗi đây. Hương chống muỗi, chứ Nguyễn Tuân kỵ mùi tỏi và không chịu được mùi thơm ở các thứ hương Ấn Độ cứ thoang thoảng rờn rợn như có ma lẫn quất trong nhà.

Quả nhiên là những nơi ngả lưng đã chiến ở Hoàng Su Phì khách nghỉ đêm ở các lán dân công, nền đất và phen vách mới được sửa sang lại đôi chút. Tối đến, mùi hương ở lán ông khách vẫn ngào ngạt ra. Vũ Mỹ Kê, bí thư huyện Đồng Văn hỏi nhỏ tôi:

- Nó cúng ma hả?

Làm thế nào cắt nghĩa cho ông bạn người Mông này hiểu cho cái thú chơi sưởi mùi hương như thế. Mới như hôm qua, Vũ Mỹ Kê năm trước lần đầu về Hà Nội. Nhiêu khê quá, xe liên vận Đồng Văn xuống Hà Giang, lại chuyển ô-tô khác về Phú Thọ. Ở đấy, lên tàu hỏa. Đoàn tàu xuôi về đến ga Hàng Cỏ, vẫn ngồi thản nhiên ngắm ra phố phường, đường sá, nhà cửa ngoài cửa toa thấy mãi chưa tới Hà Nội. Khi tàu lên đến Bắc Giang mới hỏi ra.

Tôi bảo Vũ Mỹ Kê:

- Không phải bác ấy cúng ma. Bác ấy đốt hương cho ấm như ta ngồi sưởi lửa ở trên quê, lại chết được muỗi. Mùi hương sưởi thơm cũng như khói củi gỗ thông ấy mà.

Có lần, Vũ Mỹ Kê về Hà Nội, đến chơi uống rượu nhà Nguyễn Tuân. Tôi nhắc lại chuyện hương sưởi ấm ở Hoàng Su Phì. Vũ Mỹ Kê trả lời: Bây giờ nói thế thì mình hiểu ngay.

Hồi ấy, Vũ Mỹ Kê không tin câu cắt nghĩa của tôi. Có những việc...

Nhưng thôi, lại trở về chiến dịch sông Thao mùa hạ 1949. Nguyễn Tuân gặp lại Két - người chiến sĩ trinh sát mà Nguyễn Tuân vừa hỏi tôi có nhớ không, lúc nửa đêm giữa cái ngã sáu bên gốc cây sữa, cây xà cừ này.

Lần đầu tiên, quân chủ lực mở trận đánh phối hợp lớn, mặt trận dài suốt bên kia sông Hồng ở Yên Bái vắt sang sông Chảy, lên Lào Cai. Chúng tôi theo tiểu đoàn 54, đơn vị chủ công của Trung đoàn, Nguyễn Tuân bỗng gặp lại Két, không ngờ, khi qua sông.

Chập tối, tập kết ở Mậu A. Các chiến sĩ quần áo bà ba đen như chúng tôi. Bộ đội được phát như thế nào thì mặc nấy, áo nâu, áo đen, có khi nhuộm lá cối, nhuộm pin xanh sẫm, thâm xịt. Đã xế chiều, người ngồi đen ngòm sân đèn Đông Công. Trung đội trưởng Két trong đám chiến sĩ, người hầu bàn nhà hàng Thủy Tạ Bờ Hồ năm trước, bây giờ là trung đội trưởng trinh sát đã trông thấy cái ông nhà văn hay uống ực ực, quảng trô xếch ở Thủy Tạ lúc chập tối, sao ông ấy lại lên tận đây thế này. Mà đội mũ vải ka ki xám, mặt lạnh lạnh như phái viên cấp trên xuống. Két đến trước mặt Nguyễn Tuân:

- Ông...

Nguyễn Tuân giơ cái gậy tre, nắm tay Két.

- Anh Két! Đồng chí Két! Tôi cũng sang sông đêm nay. Đồng chí ở 54 à?

- Vâng ạ.

Chỉ một thoáng, mọi người hỏi há về sửa soạn. Suốt chặng đường vào sâu trong kia, Nguyễn Tuân mong gặp lại Két. Như còn bao nhiêu chuyện mấy năm qua chưa nói hết. Suốt đêm ấy, mù mịt bóng sương, hơi nước và lầy lội, hầm hập. Liên tiếp, từng chiếc thúng, chiếc tam bản của các vạ chài cả mấy tỉnh từ Vĩnh Yên, Phú Thọ lên Yên Bái đưa bộ đội qua sông. Đi suốt đến sắp sáng, qua mấy làng tề gần đồn Đại Bực, trông lên quả đồi đồn Tây lù lù đây rồi mà tiểu đoàn bộ với các đơn vị trực thuộc vẫn loanh quanh lơ lửng dưới ruộng chưa tìm ra nơi ém quân. Du kích địa phương dẫn lạc đường! Chúng tôi lồm bồm trên những cánh đồng nước. Sau lưng, anh nuôi quảy nồi cháo va vào nhau lông chông, như nhạc ngựa đồn Tây ra đuổi.

Ban chính trị trung đoàn có nhạc sĩ Lương Ngọc Trác và cả hai người Pháp hàng binh thu được trong

trận tiêu đoàn 54 luân sâu tập kích đồn Bá Giang ở chỗ Phụng ra cửa sông Hát. Hai lính Pháp đã lái xe vận tải chạy ra giữa đồng. Bây giờ họ làm công tác địch vận. Ra trận, mỗi gã đeo một cái loa giấy bìa các tông dài ngoẵng như chiếc sừng trâu. Mấy hôm trước đóng quân tập kết ở bàn đạp. Mỗi ngày mổ lợn, các cu cậu được anh em thương tẩm bổ thêm cho miếng gan, quả tim ngoài xuất ăn. Hành quân ban ngày từ Phú Thọ qua dọc sông lên, dưới mưa rào vẫn đi. Hai người Pháp gày nhằng, tốp lại, cao lêu đêu, tóc ướt bết trán, vai nhô lên, cung cức như con gà chạy mưa.

Nhưng rồi tất cả cũng lên được một quả đồi nửa um tùm, trước khi trời rạng. Vừa tới lưng dốc đã ran tiếng súng dưới ruộng. Tiếng nổ lúc sáng bạch nghe toác toác như cháy rừng nửa. Có người làng ra làm đồng sớm thấy nhiều vết chân lạ dẫm nát lúa mới cấy. Sợ quá, về bẩm chánh tổng, chánh tổng lên báo đồn. Quan đồn đoán đêm qua có du kích về. Sắp đến ngày 19 tháng 5 kỷ niệm của Việt Minh. Đồn cho một tiểu đội lính Thái ra sục các đồi. Bọn lính Thái với người cai Tây cỡi trần, xách súng, bắn vào bụi rậm rồi hô nhau xông lên. Thế nào mà chúng nó lại lên đúng đồi ban chỉ huy tiểu đoàn và cả ban chỉ huy Mặt trận.

Tiểu đoàn trưởng Vũ Lăng cho hai tiểu đội xuống chặn. Lệnh: Tuyệt đối không lộ hỏa lực mạnh, chỉ được bắn súng trường, phát một. Nếu giáp lá cà, đánh dao găm.

Chúng tôi ngồi xõm cạnh bụi tre xế đỉnh đồi. Ngõn ngang gồng gánh, những càng chân SKG - súng không giật, từng bộ phận súng cối chưa lắp và những đùm lá cọ trong gói từng chõng truyền đơn tiếng Pháp, tiếng Thái. Hai người Pháp địch vận mắt xanh nhờ đứng chơ vơ như hai cái cột. Giữa im lặng thấp thỏm, không biết bao nhiêu con người núp trong cỏ, trong bóng lá những quả đồi có thể sắp nổ tung trong ánh nắng. Nguyễn Tuân chống hai tay lên chiếc gậy tre, lom khom nhìn xuống đất. Tôi ngồi không yên chỗ, lại nhấp nhòm đứng. Quái đản, Tây sắp đánh lên đây mà lại có hai thằng Tây lù lù cạnh mình thế này! Đại đoàn phó Cao Văn Khánh - chỉ huy phó chiến dịch đến bên, nói nho nhỏ, trấn an chúng tôi:

- Đạn không bao giờ dính tôi! Các anh ngồi yên đây, không có gì phải lo.

Câu nói nửa đùa nửa thật về cái mệnh con người. Nguyễn Tuân đã gặp Cao Văn Khánh trong chuyến đi Nam Trung bộ giữa năm 1946. Cũng năm ấy tôi vào mặt trận phía Nam cùng Cao Văn Khánh và Thu Sơn đã làm một chuyến đi ngựa từ Tuy Hòa qua Củng Sơn lên tiền tuyến Cheo Reo. Đã biết nhau và câu nói thân mật của con người trải trận mạc có tác động tâm lý. Tôi cảm thấy thanh thản hơn, không bị hút vào sự im lặng ghê rợn. Chỉ còn thấy hai người hàng binh Pháp lơ lửng loay hoay cạnh bụi tre. Họ cũng tự biết chớ có loanh quanh đi lại. Chiếc loa giấy khoác bên nách chốc chốc lại đổi bên lắc một cái. Những con ruồi vàng bụng mọng máu to thô lỗ ở ống chân lông lá lặn xuống. Ruồi vàng, bọ chó, gió Than Uyên...

Bỗng súng rộ lên một chập dưới lưng đồi rồi lại tắt ngay. Trong im lặng, liên lạc lên báo ta đã tiếp cận đâm chết một thằng. Tiếng nổ, đấy là chúng nó bắn chặn để khiêng xác thằng chết về. Rồi cứ im im thế đến quá trưa. Vẫn quạnh như tờ (sau mới biết trong đồn vẫn đoán là sắp đến ngày kỷ niệm sinh nhật Hồ Chí Minh, du kích đến quấy). Đồn Tây ra lệnh phòng thủ và canh gác nghiêm ngặt hơn. Trèo lên cây đồi bên này, tôi trông rõ những người vác hòm đạn vào lô cốt như kiến tha mồi. Chúng tôi lo bữa ăn cho chắc dạ, ăn cơm nắm, thịt rang, các bếp đã chuẩn bị từ chiều qua.

Mặt trời đã ngả vàng khè trong làn sương các khe núi dâng lên. Năm giờ chiều, giờ này máy bay dưới xuôi không lên nữa. Một tiếng âm, vang bốn phía. Đại bác ta nã thẳng nổ xanh lè bên lô cốt. Nhưng chỉ đoàng đoàng được vài quả, nền đặt pháo của ta bị lún, pháo câm. Một khẩu súng, ngay phát đầu đã vắng cả chốt đuôi, suýt chết thằng Tây địch vận ngồi đằng sau. Nhưng các khẩu cối thì nã đạn đều đều, tiếng rền liên tiếp. Lương Ngọc Trác ngồi trên cây nhìn sang phía bên trái, kêu lên: Bên Đại Phác nổ súng rồi.

Bộ binh xông lên đồn, lúc ấy trời đã tối hẳn. Khoảng gần tám giờ tối chúng tôi vào được sân đồn Đại Bực, cái chỗ lúc trưa trông sang thấy lính Tây, lính Thái trần trùng trực vác hòm đạn. Bóng tối và khói mù mịt. Bờ rào dây thép gai tan tác. Thằng đồn Tây mặc váy áo giả làm đàn bà Thái chết dưới chân một lũy đất. Nhưng trên cái lô cốt cao cắm cờ tam tài giữa sân, đạn vẫn nã xuống. Những mũi xung kích chiến sĩ cầm mác dạt được vào núp ngay bên bờ tường lô cốt, chặn bọn trên chòi thoát xuống. Chúng tôi vào làng tề cạnh cổng đồn đương đùng đùng cháy. Không biết lửa du kích chiếm làng đốt hay đạn trên lô cốt bắn xuống. Chiếm được đồn rồi mà khắp nơi cứ loạn xạ.

Cái trống nhà chánh tổng treo đầu hồi ngoài sà không biết ai đã khiêng ra vớt lẫn lóc đấy. Một đám xác người chạy qua. Nguyễn Tuân, quần áo đen như hung thần hiện lên, tay cầm dùi trống, mấy chiến sĩ quay ngược nện báng súng vào mặt trống. Cả đám người đánh trống ngũ liên thúc trận hạ lô cốt cuối cùng lừng lừng trước mặt. Mấy tên lính Thái gan lì vẫn dai dẳng bắn xuống phát một. Nhiều chiến sĩ ta bị đạn tủa chết. Một tổ tiêm kích bắc thang trèo lên thả lựu đạn vào lỗ châu mai. Im lặng hết trong lô cốt. Đã hơn tám giờ tối. Những cái đầu lâu được ném từ trên lô cốt xuống. Ở tấm ảnh *Hạ đồn Đại Bục* trong pho sử Quân tiên phong, giữa hàng quân ta có hai chỗ chấm trắng trên đầu gậy. Đó là vết hai thủ cấp hai thằng trên lô cốt cổ thủ.

Nửa đêm, cả ban chỉ huy lên một cái nhà sà còn sót lại trong xóm xung quanh vẫn cháy rực. Chiếc dùi trống thò một đầu trên ba lô Nguyễn Tuân. Cạnh bếp, một thùng rượu vang to bằng cái vại sành bên gốc cau đã toang một mặt ván. Tiểu đoàn trưởng Vũ Lăng, mới chiều hôm qua ở bên kia sông, mặt mắt còn phẳng phiu, bây giờ hàng râu quai nón đã trở đen ngòm. Tiểu đoàn trưởng giơ bát rượu vang: Đúng hẹn với các anh nhé. Chúng ta vào uống rượu vang giữa đồn Đại Bục. Nào, các anh? Mời ông Nguyễn? Một lúc, Nguyễn và tôi nâng hai bát trước mặt, nhưng không mừng đụng cốc. Chúng tôi vừa được tin về Két, Két đã ngã xuống ngoài lô cốt. Chúng tôi uống im lặng viếng hương hồn người bồi bàn chiến sĩ trinh sát trung đội trưởng Két.

Mấy hôm sau chiến dịch chuyển sang sông Chày, Nguyễn Tuân vẫn ở lại với 54. Tôi theo đội võ trang tuyên truyền lên các làng Mán Sừng trên rặng núi Voi rồi xuống với Trần Đăng lên mặt trận Phố Ràng.

Bao nhiêu lâu rồi, chúng tôi vẫn thường có dịp thăm hỏi 54, tiểu đoàn em nuôi. Trú quân ở Kép Le, về Lai Xá, ở Hòa Lạc. Luyện quân ở Định Hóa, lửa trại đêm Hà Nội giữa rừng. Chiến dịch giải phóng Tây Bắc 1952. Lại mới năm trước, cuộc tiến đưa đơn vị tiến vào đánh bao vây Khe Sanh. Lăn lên với đơn vị đóng quân trên Hòa Lạc ở Sơn Tây, thoát đấy mà ba mươi năm đã qua, cả đoàn người chiến dịch sông Thao bấy giờ còn lại mỗi một bộ đội Sừu thợ rèn, tự vệ Ô Cầu Dền, nay là chính trị viên trung đoàn.

Cái tình với chiến sĩ và với trung đoàn Thủ đô của Nguyễn Tuân tuyệt nhiên không phải ngẫu nhiên. Ấy là thói quen đến nơi đến chốn, chăm chút, ý nghĩa của một kỷ niệm. Người con trai lớn của Nguyễn Tuân đã là một trong những cán bộ chỉ huy đầu tiên của đơn vị từ sáu mươi ngày đêm chiến đấu trong lòng Hà Nội ở Liên khu I. Có khi, đi chơi với Nguyễn Tuân và Xuân Trường, người con trai ấy bây giờ là một tướng lĩnh trong quân đội. Chúng tôi về quê Nguyễn Huy Tưởng ở Dục Tú. Ba cái xe đạp thông dong sang Đông Anh. Thời cụ tú Hải Văn bố dắt con vào nhà ả đào Hàng Giấy, đến thời bác Nguyễn, khác mà không khác, cái tình vẫn một cha con ấy. Cũng như khi gặp lại Két trên bến Mậu A. Ông khách kỳ lạ để nhớ vẫn thường khai vị bằng rượu mạnh.

Hai người cũng vào Đại Bục nhưng không bao giờ còn gặp lại người nhà bàn cũ ấy nữa. Mỗi khi ngồi trông ra sóng hồ lăn tăn lăn bóng liễu, bóng chiều, bóng bia hơi và sáng đèn quanh chân cột sà nhà Thủy Tạ, lại nhớ. Thế mà là thật, những gấn bó xưa sau. Vui chuyện, Nguyễn Tuân hay nói một câu, một câu nói đi nói lại:

- Ủ! Phải viết chuyện ấy rồi phải viết.

Những từng trải và kỷ niệm cả đời thúc giục, đã viết ra đấy, nhưng chưa được mấy. Mỗi ngày qua trở thành một thăm thía, khi chợt nhớ, đêm nay ngồi quán cóc ông lão 81 lại nhớ người hầu bàn nhà Thủy Tạ Bờ Hồ xưa kia.

Những cái thích và vui ẩm thực của Nguyễn Tuân không chỉ dễ dãi vì miếng ăn miếng uống sang trọng, mà phải là hợp khẩu vị, ngon theo ý mình. Lọ muối vừng, hộp nước mắm chưng, cái gác-măng-dê trừ trên ba lô, thời chiến và thời bình, vẫn thế. Nguyễn Tuân sành ăn và kỹ tính tuyệt nhiên không xô bồ. Năng oi quá, nhắm rượu mượp đắng giải nhiệt, nhưng không xơi mượp đắng mắm tôm như người ta. Không bao giờ đụng đến mắm tôm chợ. Ăn tinh đến thế, mà lại kỳ tởi, mùi tởi.

Tôi vừa đến, mới ngồi đã bị hỏi:

- Có phải cậu vừa ăn tởi?

Nếu tôi ừ chắc Nguyễn Tuân sẽ bảo tôi đi đâu mai hãy trở lại. Tôi đáp:

- Không phải.

Cái mùi thính có vẻ bớt khó tính với tôi, nhưng lại lấm bẫm:

- Ở nhà dưới lùa lên?

Sợ mùi tỏi, ông voi to dùng sợ con kiến. Cũng lạ, cái lạ mà bình thường. Bài bút ký *Phở* đã đưa tác giả vào hàng những tay cực thạo món quà này. Ít ai biết Nguyễn Tuân chỉ ăn một thứ phở, phở chín, phở thịt bò chín. Không đựng đĩa vào bất cứ thứ phở nào khác. Thịt bò chín, nạm hay mỡ, bánh vừa phải không nấu vòng lên, không thái sẵn và thái máy như Sài Gòn mà Nguyễn Tuân gọi đùa là vằn thắn phở. Xúc bánh xong, thái thịt lồi bày lên rắc hành hoa và hạt tiêu - không ớt, mặc dù thích ớt cay. Ông nào phở xào, tái sách, tái dúng hay tái lăn, sốt vang lại đập quả trứng, thêm một cục mọc thịt lợn, một miếng giò lụa, hay phở thịt gà, thịt ngỗng, thịt chó rửa mặn, thì tùy. Tôi không ăn phở để tâm bố. Lùa thật nhanh, ăn thật nóng, lên hết chất phở, thú nhất. Không hành tây, mùi tàu, húng chó, không thêm nước mắm, dấm ớt, tương ớt, không mỡ váng, không mì chính, cốt thường thức cái tinh túy của nước dùng xương.

Tập ký *Băm Sáu phố phường* của Thạch Lam khen cái ngon của một hàng phở gánh đồ cạnh cây hương trong sân nhà thương Phủ Doãn, bát phở rõ mấy giọt cà cuống. Cả thành phố chỉ có một hàng phở cà cuống ấy. Nguyễn Tuân thường cười: Cái nước chè tươi nóng bỏng môi, cái bánh đậu xanh ngọt xít cổ, lại đến phở cà cuống, cái sự thích của anh nghiện vừa buông dọc tẩu xuống ngon hay không ngon kể cũng đáng viết cho ra nghề.

Khoảng những năm 55, đôi lần Nguyễn Tuân còn ăn phở gánh ở tầng trệt nhà Địa ốc Ngân hàng, chỗ quán rượu Hoàng Gia cũ. Hàng phở này mở từ những năm thành phố còn bị chiếm. Rồi đến dạo quà phở thành cơm phở, người thành phố ăn phở lấy no, thì Nguyễn thôi ăn phở. Bút ký *Phở* cũng là vang bóng một kỷ niệm mà thôi.

Nguyễn Tuân có nhiều cái không, thật bất ngờ. Nguyễn chưa bao giờ cưỡi ngựa, không biết ngồi ngựa. Đạo diễn Phạm Văn Khoa làm phim *Chị Dậu*, Nguyễn Tuân đóng vai chánh tổng cưỡi ngựa đi đốc thuế. Chủ nhiệm phim đi thuê ngựa, phải thuê cả người chủ ngựa đóng vai đồng đứng giữ cương cho ông chánh tổng ngồi trên yên, chưa đến nửa phút. Nguyễn Tuân chỉ đi chơi biển, không tắm biển. Dễ hiểu: Nguyễn Tuân không biết bơi, dù bơi chó hai chân đập tâm phòng. Đọc ký sự *Ra đảo* của Nguyễn Khải kể về hành trình Nguyễn Khải vượt biển ra đảo Cồn Cỏ, Nguyễn Tuân khoái riêng cái anh nhà văn trẻ này ngồi thuyền ra Cồn Cỏ dưới bom và tàu chiến địch quần xung quanh mà không biết bơi, nhát nước chẳng khác Nguyễn Tuân.

Nguyễn Tuân chẳng thiết cái quán bát nháo của ông lão 81. Nhưng đến đây là một cơ hội để nhớ. Tách cà phê bít tất hay chén rượu có nhạt, cũng không quan tâm, chỉ bởi nó đem lại được cái cơ Nguyễn Tuân kéo mẫu ghế ngồi. Dáng ông lão gầy gầy, bộ quần áo nâu non còn cỗi, lom đom. Nguyễn Tuân nhớ những cái khác. Mỗi đêm ngã sáu, từng người lại tìm về những kỷ niệm của mình. Những năm ấy chưa có mấy quán cà phê, quán nước bán kèm nước trắng. Tôi không được biết Nguyễn Tuân thời xưa kênh kiệu tàn nhẫn thế nào, chỉ thấy bây giờ cũng chịu khó chơi tạp, chỉ có điều là ngồi đối diện đấy, nhưng không nhìn mặt ai. Cái ác khẩu của nhà văn này thì khỏi nói. Tao mà chết, nhớ chôn theo với tao một thằng phê bình, ai đã bịa ra mà kể lại thế, nhưng giá ở dưới âm ty, thằng phê bình chẳng may nào đó bị chôn sống, lại mời ông đi uống rượu rồi đi chơi đảo Cát Hải thì chắc ông cười xòa, làm lành ngay. Vẫn cái khó khăn hay cái dễ dãi chỉ vì mình. Đã thích thì cứ cầm lấy, một quyển sách mượn không bao giờ trả, một nhánh hoa địa lan cắt thẳng ở chậu vừa hỏi chủ nhân vừa cắt.

- Ông 81 mới đổi mặt hàng. Có cái rượu hay lắm.

Trước cái chõng, ngọn đèn Hoa kỳ nhòe nhoẹt. Cũng không ai để ý những bày biện mới, lọ lác rang lại lọ kẹo bi xanh đỏ nhờn nhọt, quà đồ tiền trẻ con. Ông lão đương cù rù, lấm mẩn bóc củ hành khô. Vỏ hành kều tanh tách như bật ngón tay. Cái chảo mỡ bắc ngay cạnh. Đậu nghệ chấm muối hay đậu rán, những mặt hàng mới. Thêm mấy cái ghế lồi giấy ép cuộn chỉ nhà máy sợi bên gốc cây đã xây vòng viền quanh thành cái bàn. Bập bênh như chiếc ghế ngất ngưỡng trước quầy rượu, cũng hay hay.

Tôi nói:

- Ra cái ông 81 này đã làm bồi cho Grapphơ ở Huế, ông Nguyễn ạ.

Nguyễn Tuân gật gù:

- Grapphơ công sứ Trung Kỳ.

- Tôi mới nghe ông ấy kể.

Chờ đợi sự ngạc nhiên, nhưng Nguyễn Tuân chỉ ừ thế rồi nhìn bộ quần áo nâu bạc của ông lão đồng chiêm xa lạ. Ông lão mọi khi cứ lặng lẽ lúc có khách, tự dưng bỗng bật nói:

- Ở Huế làm bồi, tôi kiêm cả chân bếp. Chả là mỗi lần cả nhà nó đi pích-ních Bạch Mã, tôi phải lo các thứ, đâm ra thạo. Miếng giăm bông hun khói tôi cũng làm lấy được, khét bỏ mẹ lại khen ngon. Người Tây lắm cái ngược đời, còn An Nam mình thì khôn ngoan, hay xỏ ngăm. Thế mới chết chứ. Tôi làm ăn lương gấp rưỡi. Nấu nướng cho Tây chẳng khó như cao lầu Tàu. Hành mỡ phi thơm lừng, Tây nở mũi, thế là khen buông. Các ông để ý xem, hèn nhất là cái mặn muối, thế mà Tây ăn cứ phải có lọ muối trắng như bát hương mà tổ nhà nó để giữa bàn. Động một tý lại rắc muối, thế thì mất hết mùi vị, các cụ nhà ta kén đến hàng chục loại nước mắm vẫn còn chưa bằng lòng kia mà.

Câu chuyện của ông lão quê mùa mỗi lúc một sang trọng phố phường, bắt đầu từ Huế lên Bạch Mã đến khi Grapphơ hết hạn ở Đông Dương về Pháp đem theo cả thằng bếp giỏi. Thế là tôi phú bà đầm nhà tôi về quê, bảo là cho tôi đi kiếm cái vốn. Tôi đi xêlibạt ba năm bônông bêông bên Tây. Các ông ạ, nói thực chứ ngủ với đầm chán bỏ xừ. Nó bắt phải đùa cả đêm, nhọc lắm.

Thế là ông lão hơn đứt chúng tôi rồi. Cao hứng, Nguyễn Tuân chốc lại hỏi một câu về núi Bạch Mã, chén rượu để vào về gốc cây sấu đã cạn từ lúc nào. Phong tục và khách khứa ở những quán còm cõi chủ hàng hay đuối khéo khách không uống thêm mà còn bè nè, thế mà ông lão vẫn để yên. Những câu chuyện của ông 81 đã làm chúng tôi lẫn lộn gốc sấu, gốc xà cừ, gốc cây sữa với những gốc thông và bậc đá tảng boongalô trên Bạch Mã. Tôi ngồi hớp những chuyện trên vùng núi nghỉ mát ấy và chuyện chơi bồi bên Tây mà tôi chưa được biết đến bao giờ, chỉ nghe cũng như thuộc. Ông lão 81 vẫn bóc hành. Bây giờ tôi mới để ý bàn tay bồi bếp suốt đời ấy to bè bè, mỗi ngón như trái chuối mấn khác hẳn khổ người thấp bé, gầy úa. Gia vị chuyên có củ hành. Củ hành củ già mới hăng, không như hành hoa, hành lá nhạt thếch. Rồi khách hàng cũng đâm ra nghiện hành khô theo chủ quán. Các ông ạ, hôm nay có ngẫu pín. Từ dạo chú khách ngoài phố Huế đóng cửa món cháo ngẫu pín, thỉnh thoảng ông 81 xuống lò mổ mua chui được mấy cái. Da bò, thịt tái và dái trâu dái bò hồi này hiếm hãn. Nghe nói mậu dịch thu mua, da thì vào nhà máy thuộc da, còn ngẫu pín để xuất khẩu đi Hồng Công. Lão 81 hay khoe của lạ, mà không bao giờ vui chén với khách.

Lão chỉ nhìn người ta uống và đợi được khen hành phi thơm sức mũi. Lão giữ đúng quy lát nhà bếp nhà bàn có cái thú ở sự ngăm người ta thưởng thức - Nguyễn Tuân bảo thế. Nhưng vẫn rôm rả chuyện Bạch Mã và bên Tây. Mỗi câu đối đáp như nói cho mình nghe. Lão ấy cũng khoái nhớ chứ! Nhớ vui hay nhớ buồn, nào biết được với lão. Có lần tôi nói với Thanh Tịnh khi đọc những hồi ký ông viết về thời làm nghề hướng dẫn du lịch rằng ông nhớ lâu quá, Thanh Tịnh sáng tác ra một câu ngạn ngữ: *Nhớ lắm, khổ nhiều*. Ôi tội cho những người nhớ lâu.

Chúng tôi đưa một khách Ba Lan ra ngồi gốc cây ở đấy. Nhà văn Dukôpsky đã lên mặt trận Điện Biên nhưng A.Covanepsky, nhà văn Ba Lan này đến Việt Nam khi hòa bình đã lập lại. Ông nhà văn hình thù cổ quái ấy chuyên viết phóng sự về đời sống loài vật. Covanepsky đã ở rừng châu Phi, đã qua suốt mùa hè trên ngọn sông Amagiôn và ở cả năm trong vùng muối rừng đương khai hoang mở đồn điền chuối bên Braxin. Ông đã lặn lội hầu khắp rừng núi thế giới, chụp ảnh và viết về những con vật kỳ lạ. Covanepsky đã bảy mươi lăm tuổi, thế mà bạn đọc ông nhiều nhất lại là thanh thiếu niên.

Ông đến làm khách của Hà Nội cuối tháng chạp. Ở lại Tết Nguyên Đán, mấy khi được ăn cái Tết cổ truyền mùa đông ở một thành phố nhiệt đới, nhưng Covanepsky lại muốn đến xem mùa xuân tận nơi rừng thẳm có muông thú hoang dã. Ông lên Lai Châu. Ở tỉnh lỵ, Tết xòe Mừng Lay trên các nhà sàn cũng không quyến rũ nổi ông. Ông đã cười bốn ngày ngựa lên Mừng Tè. Những địa danh Mừng Thanh, Lũng Cú, Mừng Tè, Mèo Vạc, ngay đối với người Việt Bắc cũng tận đâu đâu.

Trời rét ngọt, gió cuốn dưới lòng đường lên như cắn vào mặt. Chúng tôi vác đến một chai rom Sanh

Giám mua ở khách sạn Métropôn. Uống cà phê bít tất pha rượu hảo hạng. Nhưng không ai lưu tâm cà phê hạt muông với cái rượu ngon nhất nước Pháp mà là ngồi ở chỗ này để tưởng tượng ra đồng không mông quanh cho ông nhà văn rừng rú quê ở châu Âu ấy trò chuyện. Ông kêu chán phòng ăn, phòng ngủ khách sạn từ hôm ở Murrong Tè về. Ông đòi đổi khách sạn Métropôn cho ông đi ở nhà sàn. Kiểm đầu ra của hiem ấy ở đây.

Nhưng rồi vài hôm đã quen lại dần. Cây sáng kiến ăn chơi Nguyễn Tuân nghĩ ra cách tối ấy đưa khách ra ngã sáu. Vừa đẹp trong ý nghĩ chúng tôi. Cái lão nhà văn thế giới Covanepsky này có thể được gọi hứng thú khác. Rằng ở giữa nơi chơ vơ trông nghiêng qua mặt đường nhựa phẳng lặng bóng ngọn cây cao cao đàng xa, ánh đèn lốm đốm như đêm sa mạc. Tôi đã cười lạc đà qua sa mạc Gô bi, vào Mông Cổ. Nhưng chưa được tới nơi nào như Murrong Tè - Ông cười, một chiếc răng hồng. Có điều không nơi nào như Murrong Tè, ông vừa kể lại và đưa tấm ảnh chụp ở sân huyện ủy.

Covanepsky vịn vai một con gấu ngựa, gấu thật. Con gấu áng chừng hai ba tuổi cao to bằng người. Hai chân sau đứng, một chân trước đặt lên vai áo. Một tay ông nhà văn, ông già tuyết Nôen để trên đầu con gấu.

- Không phải gấu độn rơm của thằng thợ ảnh ở vườn hoa các nước châu Âu. Gấu thật. Tôi chưa được thấy đầu nuôi gấu trong nhà. Đến bữa ăn, gấu ngồi chầu gầm bàn, nhặt cơm vãi. Lạ nhất thế giới!

Tôi không dám nói, làm ông cụt hứng. Ở giữa thành phố này người ta cũng nuôi gấu, mua bán gấu như chó con. Ít lâu sau, tôi trông thấy con gấu Murrong Tè ấy ở một trang họa báo Ba Lan của một ông nghề chào hàng phụ tùng ô-tô đem đến. Nguyễn Tuân vốn thích tranh áp phích Ba Lan. Ông chào hàng mới quen này lại là một ông Ba Lan. Cũng chuyện thường ngày mà lạ, cái ông chào hàng bỗng nhiên chúng tôi quen. Hôm ấy, sân khấu ngoài trời Nhà hát Nhân dân diễn tuồng hồ quảng tích *Lương Sơn Bá Chúc Anh Đài* của một đoàn hát Quảng Tây sang. Chúng tôi đi xem, tình cờ ngồi cạnh một người Âu. Trong lúc đợi mở màn, ông ấy đã mau miệng tự giới thiệu. Biết tiếng Pháp, tiếng Anh, Mariam Stvensky người của hãng sản xuất phụ tùng ô-tô du lịch chuyên đi chào hàng. Nghe đệm họ Mariam, đã biết là một người Do Thái Ba Lan. Ông nói lần đầu tôi đến Việt Nam. Lần thứ hai tôi đi xem nghệ thuật kịch Việt Nam. Nguyễn Tuân bảo là tuồng Trung Quốc. Ông Stvensky nhất định rằng đây là kịch hát Việt Nam. Hôm nọ tôi được xem rồi. Có những người tốt bụng, nhưng tính ương bướng thế. Không thể lay chuyển được cái điều lão đã định ninh.

Nhưng lão rất vui, nhận lời hôm sau lại gặp nhau để tiếp tục tranh luận xem vở kịch hát là của Trung Quốc hay của Việt Nam.

Gặp cái lão gàn dở vô lý cù không cười kiểu Saclô, Nguyễn Tuân tỏ ra thú vị. Chúng tôi hẹn Mariam đến nhà Buda. Buda ở phố Hồ Xuân Hương yên tĩnh, lại ở một mình, tha hồ nói to. Thực đơn: chai rượu vang của Nguyễn Tuân, lão kia sẽ đem đến rượu vốt ca Ba Lan và xúc xích hun khói - đúng khẩu vị Nguyễn Tuân và kết thúc bằng bát cháo gà ở ngã sáu dốc Hàng Kèn gần đấy. Buda không biết lão Mariam, nhưng tôi đến đặt tiệc thế, Buda nhận lời ngay.

Tôi mới quen Buda những ngày ở Thái Nguyên về Hà Nội, nhưng đã nghe kể về Buda từ khi còn trên Tuyên Quang. Làm việc Nhà xuất bản Ngoại Văn, Buda đã dịch ra tiếng Pháp *Dế mèn phiêu lưu ký* và *Truyện Tây Bắc* của tôi. Giáo sư một trường trung học Sài Gòn, Buda đã trốn ra kháng chiến ở miền Đông rồi được lệnh vượt Trường Sơn bảy tháng ròng rã ra Việt Bắc năm 1952 để làm việc ở đài phát thanh. Cuộc đời thật dữ, mà anh chàng thì ngơ ngác hiền lành. Bạn bè gọi tắt chữ tên anh là Gioóc Buda-ren! Buda cũng có nghĩa là ông Phật, hợp với con người lù đù ấy. Có những tù hàng binh Pháp, thằng An, thằng Bình hay đóng các vai Tây trong các phim *Chung một dòng sông* và *Vợ chồng A Phủ* - những bộ phim vỡ lòng của Xưởng phim truyện, bọn này cả ngày loăng quăng xe đạp lượn phố tán gái. Khối cô mê thằng An. Buda thèm lấy vợ mà đành chịu. Anh chàng chỉ thạo sách vở. Một lần, Buda đi thăm Điện Biên Phủ, gặp ở Tuần Giáo một cô gái Thái lai Tây. Buda mê quá. Nhưng cả một buổi tối ngồi uống cà phê cô ấy pha và im lặng. Chỉ say sưa khi về Hà Nội kể lại. Và câu chuyện tình ngậm miệng ấy cũng qua đã nhiều năm rồi.

Chai vang Pháp của Nguyễn Tuân đặt giữa bàn. Lịch sự, chủ nhà mua thêm hai chai Boócđô. Mặc dầu chỉ nửa cốc vang Buda đã bị dị ứng mẩn ngứa đỏ khắp người không chịu được. Tây mà không uống được

rượu.

Ai đã tổng kết từ lâu rằng uống vang với phó mát - cách uống cổ điển, ngon nhất. Ông bạn tình cờ đã tự đổi thực đơn, tự khen mình và có nhận xét thế. Bởi vì cái ông Ba Lan vui tính bán phụ tùng ô-tô đã mang vốt ca đến với một bọc phó mát và bánh mì gối. Ông này cũng không bợm rượu mấy. Thành thử, chỉ còn có hai người chúng tôi không tể nhị. Cái vang Pháp đỏ sẫm sao mà nó chát sượng đến thế.

Một Tây, một Ba Lan khoái chí nâng cốc và nhìn hai tôi cạn cả cốc như uống bia. Ông Ba Lan nói to:

- Tôi đã nghe Dukôpsky nói chuyện về Việt Nam trước khi sang đây. Một người Ba Lan đã có mặt trên chiến trường Điện Biên Phủ. Tuyệt vời. Còn con gấu chụp ảnh với một nhà văn đồng bào của tôi đây này, tôi tặng các bạn tờ họa báo. Rồi lão lại gở chuyện hôm qua.

- Vâng, những tối kịch hát Việt Nam, hay lắm. Không thể thêm một câu nào khác với một người chỉ cho là mình đúng.

Nhưng Buda ngờ ngẩn hỏi:

- Đoàn kịch hát Trung Quốc đương diễn ở nhà hát Nhân Dân?

- Không, đoàn nghệ thuật Việt Nam. Tôi đã đến Bắc Kinh, Trung Quốc hát khác.

- Có diễn viên Hồng Tuyến Nữ nổi tiếng.

- Đều là Việt Nam. Tôi biết mà.

Câu chuyện đùa cợt giăng co, miên man, buổi tối không hẹn mà nên. Mariam Stvensky kể bốn giờ sáng mai đã sang sân bay. Ở đây về là xếp va li.

- Không sao, phải tranh luận cho đến được sự thật, sự thật chỉ có một!

Chốc chốc lại hura: nghệ thuật muôn năm. Ông Ba Lan ôm tôi đứng dạy nhảy, một tay giơ cái ảnh con gấu Mường Tè. Hu ra, hu ra. Phụ tùng ô-tô, phụ tùng ô-tô cũng là nghệ thuật. Buda hào hứng: Cho tôi uống! Cho tôi uống! Rồi sẽ năm gãi một tuần lễ, không sao, không sao.

Mariam tiếng Pháp giọng mũi, giơ cốc trịnh trọng:

- Hãy nghe tôi nói. Người bán phụ tùng không chào hàng đâu, mà nói về triết học. Thứ nhất, chúc con người tiến tới bằng cái ô-tô, nhân loại sẽ đến được thời kỳ trong người hồng hóc bộ phận nào thì thay bộ phận ấy. Thứ hai, bấy giờ ở ô-tô cơ thể của các bạn có cái gì cũ, cái gì hỏng hãy cho tôi biết. Hăng tôi sẽ gửi sang, tôi sẽ đi theo, tự tay lắp máy mới cho các bạn, máy liệt, máy hóc lại chạy ngay. Con người bằng cái ô-tô, hơn cái ô-tô. Hu ra... hu ra...

- Nhưng không có bánh mata ^[1].

- Cũng được. Đây là một lời chúc hạnh phúc.

Khuya rồi, chúng tôi mới ra ngã sáu. Không nhớ chốc nữa ông bán phụ tùng ô-tô - và tương lai, bán cả phụ tùng người phải sang sân bay Gia Lâm. Hơi vang đã nhạt, người cười nhiều quá cũng đâm buồn, những cái bóng chúng tôi đi lẳng lặng.

Phó mát làm bứ bụng, không muốn ăn cháo gà. Vả lại, các bạn Tây không khoái chén súp đêm. Chúng tôi vào chõng cà phê bit tất của lão 81. Làm như phong tục Nga, khi tiễn đưa, mọi người đặt tay lên đầu gối ngồi im với nhau trong giây lát.

Một bác xích lô về khuya, ghéch cái sà xe rên ken két lên bờ hè. Bên gốc sấu bành rể sù sù, mảnh gỗ làm bàn, những mẫu gỗ, cái lõi cuộn chỉ dựa cây, dựa tường, mỗi người trầm ngâm nhìn đi đâu. Cả cái lão cà phê số nhà 81 kia nữa, chắc đã làm một chén trước khi dọn hàng. Biết đâu ông lão này, bác Chử cháo gà, những ông xích lô đầu hói râu rậm, các cụ ngờ ngác vác cả lũy tre trong làng về đây, hỏi ra thì lão nào, lão nào cũng đã đi bồi bếp, cho Tây đâm ăn ra sao thì chúng phải ăn thế đấy, lại đã sang đánh nhau bên Pháp, bên Ma rốc từ thế chiến thứ nhất. Ai cũng đã bôn tẩu sông hồ bằng mấy chúng tôi. Ông cà phê đương lơ mơ trời đất ở đâu. Thấy người lỗ nhổ vào, hai cái đầu gối quần nâu lòng thòng đứng dậy.

- May quá, còn cái ngẫu pín.

Bác xích lô ngồi ngủ gà trên cái đệm xe, chợt tỉnh nói to vào:

- Tôi, tôi, để cho tôi.

- Ủ, chứ bảo mấy ông Tây này ăn dái bò thì các ông ấy chết khiếp.

Lão bếp già 81 cười tùm, vẻ thành thạo:

- Cứ bảo xúc xích nhồi, thì cũng nuốt tất.

Bác xích lô lại nài:

- Ấy, để cho tôi. Người mình thì phải dùng cái bồ thặng một lèo mới kiến hiệu được. Ông Chử cho tôi bát cháo trắng, rồi thì tống vào đấy dái bò, dái dê, dái chó bao nhiêu cũng cần.

- Được được. Ai cũng đủ. Các vị chơi khuya thế? Ông này người nước nào mà trông giống quan công sứ Grapphoi. Các vị dùng cái đen hay cái trắng?

Lại vẫn quan công sứ, quan công sứ với cà phê hay rượu trắng, lẫn thần ăn người đấy.

- Này cụ bít tất, năm nay tuổi giờ cụ được bao nhiêu?

- Thưa ông, nhà cháu thất thập rưỡi.

- Thế thì cái thặng quan công sứ của cụ xuống chơi với giun lâu rồi.

Ông cà phê bít tất nói một câu ngắn thôi, nhưng ý nghĩa thì địch được với câu triết lý của ông Ba Lan sắp bán phụ tùng cơ thể con người.

- Các cụ xá cho. Chuyện chiêm bao ấy mà.

Đêm thành phố trên ngã năm ngã sáu bờ hè. Khách đến, khách đi, lủi thủi trong bóng tối, không có báo in, báo tường mà mọi chuyện đâu cũng theo người tụ lại, mỗi người đem đến một chuyện. Những ông Ba Lan và Buda và ông Aki chẳng bao giờ gặp nữa, mà cứ nhớ như hôm qua, như lão 81 lúc nào cũng quan khâm sứ Grapphoi. Vâng, đã là nhớ lại thì dẫu vui xưa kia cũng là nỗi buồn bây giờ.

Shoisi Aki, mà có tên là Nguyễn An Nghệ, cái người Nhật ấy đã ở với chúng tôi suốt chín năm kháng chiến. Aki đến khi chúng tôi ở núi Thượng Yên, trong một làng dân tộc Dao đỏ giữa một cánh rừng rậm bờ sông Lô trên bến Bình Ca.

Chưa bao giờ cơ quan rúc vào một nơi hóc hiểm đến thế. Nguyễn Tuân ngại nơi này nhất. Đến Thượng Yên, trong cánh rừng ẩm ướt Nguyễn Tuân mới thực sự bị những cơn sốt rét hành hạ. Trước, tiếng là yên rừng, nhưng còn ở ngoài đồi chân Tam Đảo và bên sông Thao. Ở xóm núi Yên Dã, đi một quãng ra huyện lỵ Đại Từ, đã là Hà Nội nhỏ của chúng tôi. Câu thơ ngao ngán *Sớm nay ra khỏi u tì quốc* của Xuân Diệu là để lưu niệm nơi này. Thế mà đến khi chui vào rừng sâu Thượng Yên u tì và ma quái, nhà thơ Xuân Diệu lại lặng im. Có lẽ đã quen rồi, mặc dầu ở đấy, trong cơ quan, nửa đêm anh Truật làm kế toán quê Thái Bình đã chết sốt rét ác tính. Nguyễn Tuân cứ đi đâu về, chỉ nằm giữa tre nửa âm u mười hôm lại sốt, lại rên rầm thấp khớp. Trần Mai Thiên, con trai Nam Cao, khi bố cháu hy sinh, chúng tôi đón được Mai Thiên, mẹ cháu gửi ở Đại Hoàng hậu địch chiến trường khu Ba, cháu đương ở với chúng tôi. Có hôm, cả buổi Mai Thiên ngồi bóp chân cho bác Tuân. Cụ bếp Ban vác củ ngoài rừng về qua, đi xuống bếp, lại lẩm bẩm: Rõ nhà giàu đứt tay. Mời ông vào rừng với tôi đi vài chuyến củ thì khỏi chân ngay thôi. Chẳng khi nào Nguyễn Tuân bốt nghiêng ngả tôi về cái chỗ mới của cơ quan ở Thượng Yên. Có khi giận cá chém thớt. Tôi ở Tây Bắc về, đem theo trong ba lô một cái sáo Mèo. Sáo Mèo như ống trúc có cái lưỡi gà bằng đồng. Tôi không biết thổi, những chập tối trong rừng sâu hay lấy sáo ra rên ri lên độc một tiếng tòe... tòe... tôi nhớ tiếng sáo vắt vẻo núi cao trên những thung lũng ruộng bậc thang.

Nguyễn Tuân bảo:

- Ông cất đi cho tôi nhờ. Nghe ông thổi sáo, tôi đau tai hơn đau chân thấp khớp.

Tôi ở bên báo *Cứu Quốc* đổi công tác về, được phân công tìm địa điểm mới. Cơ quan chuyển ở cây số 7 đường Hà Giang trong xóm Động Móc chân núi Là sang đây. Nguyễn Tuân rủa róc: Chỗ núi Là không đủ kín mà lại phải chui sang rừng Thượng Yên. Theo thặng này rồi thì sốt rét, rồi bụng báng chết hết. Có thể nhiều người nghĩ như thế, nhưng không nói ra. Chỉ Nguyễn Tuân không dứt ca cẩm. Ổi giờ ơi, ông ở Chợ Rã, ở Tùm Tó, ông nằm đất, ông rang bọ hung ăn, ông xơi thịt lợn không muối thổi um lên, ông uống rượu men lá cũng khỏi ốm, ông còn thiết, còn nghĩ đến ai.

Bác Ngô Tất Tố chén thịt lợn lừng cụ bếp Ban đã kho riêng cạn khô vẫn tanh đến lộn mửa. Nguyễn Đổ Cung ngoài bờ sông vào bắt châu chấu ăn sống. Nguyễn Tuân từ lán ở xuống nhà bếp lừng thừng đi sau con

kỳ đà ra rình bắt gà. Có con trần gió nằm phơi mình ở bãi cỏ ven suối trên đám lá cải soong chúng tôi sắp xuống hái. Những cái đó thấm đầu với khi tôi ở suối Lửa trong vùng rừng Yên Thế Thượng, ở Píc Cáy núi Phía Bioc làm báo *Cứu Quốc Việt Bắc*. Tôi hóa ra máu cá, khi nghe những lời ca thán.

Đến Thượng Yên, Shoisi Aki sốt rét rờn rã, mặt trắng nhợt. Đặng Thai Mai chủ tịch ủy ban Hành chính Kháng chiến Thanh Hóa đã gửi Aki ra cho chúng tôi. Ở Tokyo, Aki sang Đông Dương thực tập tốt nghiệp đại học kinh tế. Đương ở Vinh thì Nhật thua trận đầu hàng Đồng Minh. Aki trốn vào trong làng. Đặng Thai Mai nhắn: Aki biết tiếng Anh, có thể dạy Aki tiếng Việt để Aki dịch tiếng Anh. Ai cũng gọi Shoisi Aki là Nguyễn An Nghệ, cái tên Nghệ An kỷ niệm nơi Aki đi với kháng chiến Việt Nam.

Lán chúng tôi ở và làm việc bên bụi nửa rậm rạp góc đồi. Mỗi lán thành một tổ tăng gia. Nuôi gà trồng đậu, rau muống, cải soong. Nguyễn Tuân, Aki với tôi và Nguyễn Đình Nghi. Đôi khi có Phan Khôi, Đào Duy Anh, Phan Ngọc bên bên Ngọc sang. Nguyễn Đình Nghi ít tuổi nhất, chủ lực cuộc xới, làm chân tổ trưởng tăng gia.

Mấy năm ở rừng Thượng Yên mà nhớ lại tưởng như đầu một vài ngày. Bởi chỉ khi ra ngoài, đi công tác, đi chiến dịch, quang cảnh và mọi việc mới đổi khác. Trở về trong rừng, ngày ngày lại như thế. Dậy theo hiệu còi, tập thể dục, vác xẻng cuốc xách ống vầu nước tiểu xuống sườn đồi tăng gia rồi lên làm việc, đến giờ sang nhà bếp ăn cơm, họp kiểm điểm cuối ngày, vào xóm người Dao dân vận, dạy học, làm vệ sinh quét dọn nhà, chuồng trâu... Aki nằm phủ phục trong màn, lồm cồm chui ra. Sáng sớm, mở mắt trong đám sương đặc quện. Hình như nằm ngủ, các đốt xương dính lại, bấy giờ duỗi chân tay ra đau ê ẩm.

Aki đã ra ngoài đầu nhà lúc nào. Chắc đã dứt cơn sốt. Mặt vuông bạnh quai hàm, khung xương người cao to gầy rạc. Không phải Aki tập thể dục. Aki ngồi phệt trên mặt đất ẩm. Hai chân xếp bằng tròn, tay đặt trong lòng, mắt nhắm nghiền, mặc mọi người vung tay vung chân, vận mình, nhảy nhót. Đến lúc ai nấy đã xuống vườn sườn đồi, Aki lẳng lặng đứng dậy, cầm ống nước tiểu, bước theo. Thỉnh thoảng Aki lại ngồi như thế. Chưa bao giờ tôi hỏi vì sao.

Suốt ngày, Aki cầm cúi bên cái bàn vĩ tre trước giường nằm. Aki chỉ đứng dậy ra cạnh bụi nửa khi nghe tiếng khu trục Spitphai, kinh côbra cổ ngỗng theo sông Lô lên lướt qua. Aki dịch sang tiếng Anh các truyện anh hùng chiến sĩ của chúng tôi viết về Nguyễn Quốc Trị, Giáp Văn Khương, nữ du kích Nguyễn Thị Chiên, lão nông Hoàng Hanh... Bản thảo giấy tờ ngổn ngang trên mặt đất giường nửa ngổ.

Những hôm trời nắng, Aki ngồi lặng yên ngoài rừng. Mặt nhợt nhạt màu đau gan. Aki đăm đăm như ban sáng nhập thiên. Một lúc lâu lại vào ngồi trước bàn. Ngày nào cũng thế không nói một câu. Nếu không trông thấy Aki đọc sách, tưởng Aki không biết tiếng Việt. Nghe tiếng gà kêu quét quét, Aki nhòm lên. Aki ra đuổi kỳ đà. Con kỳ đà mồm thếch như con thằn lằn to bằng bắp chân từ hang hốc nào ra cả ban ngày đương rướn cong cổ nghe ngóng. Cái chuồng gà của mỗi người đặt giữa sân trước mặt, tối lại khiêng vào trong nhà. Những khi con cáo, con rắn bò đến Aki cầm cái sào nửa ra đuổi.

Ở nhà bếp, Aki ngồi một góc, ăn nhai hững hờ, nhưng bao giờ cũng hết suất cơm muối vừng. Không có lọ kem nước mắm, ống bơ thịt kho, nhưng thỉnh thoảng, Aki tẩm bổ một món đặc biệt: chuối tiêu thái từng khoanh mỏng để vào bát, rồi đập quả trứng gà quấy lên. Món sống sít hồ lốn ấy không ai dám bắt chước.

Thế rồi nghe đồn tù binh ở Điện Biên Phủ được giải về thị xã Tuyên Quang. Chỉ mấy hôm không ra mà ven sông Lô đã san sát một dọc những nếp nhà mái nửa. Thị xã mọi khi ban ngày vắng ngắt bỗng đông như hội. Bọn tù ốm nặng và tù bị thương ngày nào cũng được đưa xuống bè xuôi về nơi trao trả dưới bến Việt Trì. Tây trắng Tây đen đi lêu đêu, ngất ngheo. Người da đen chỉ còn thô lỗ hai con mắt trắng dã. Những tù binh gầy yếu quá trước khi thả được giữ lại vỗ béo cho ít ngày.

Quanh thị xã đổ cả ra xem tù binh. Không còn những máy bay cổ ngỗng, B26 lên bom bắn. Người đi đông như mít tinh. Aki ra thị xã, trở về đứng trước lán, nước mắt ràn rụa. Không biết khóc buồn hay khóc vui. Nhớ chín năm trước, khi chạy vào làng, bấy giờ Aki bồi hồi sắp được trở về. Vợ Aki dạy đàn piano. Đưa con gái, khi ra đi còn nhỏ. Nếu được bình yên, năm nay mười một tuổi.

Thế rồi về Hà Nội. Mỗi tháng có một chuyến tàu Nhật vào cảng đón những người Nhật lưu lạc còn sống sót ở Việt Nam. Ở thành phố mọi việc mới bận rộn. Một hôm, Aki đến chào mọi người, Aki sắp xuống Hải

Phòng. Bấy giờ bỗng thấm thía cái xa cách.

Chúng tôi đêm hôm ấy la cà ra ngã sáu. Lui hủi ánh đèn chai, đèn hoa kỳ, gánh cháo gà, chõng cà phê, rượu trắng, đậu nghệ, ngẫu pín, lạc luộc như ngày trước đầu xóm các nhà hát ngoại ô hiu quạnh bên Thượng Cát, trong Ba La Đông Đỏ. Ở Khâm Thiên bây giờ vẫn còn lác đác vài nhà tom chat không bỏ đi Nam. Loáng thoáng tiếng đàn tưng tưng, tiếng phách... Nhưng chẳng hiểu sao, không phải vì sợ phạm nội quy vào vùng mới giải phóng, chúng tôi chẳng còn háo hức thú chơi như năm xưa. Mà chỉ lang thang tha thẩn các hàng quán phố đông, phố vắng, quanh các rạp Chuông Vàng, Kim Phụng, đương diễn các vở cải lương diễm huyền La Mã kèm cái kịch ngăn chướng di cư chẳng mảy may ăn nhập với nhau.

Tôi bảo ông lão 81, ông này là người Nhật. Ông 81 kêu lên: Ôi giờ ơi, nước ta lắm thứ người quá. Lúc nghe ông Nhật sắp về nước, ông 81, quên cả thói tục dưng dưng của người hầu bàn, đã uống góp một chén với khách. Chúng tôi ra ngồi sưởi trước cửa lò sau nồi cháo đã cạn sôi sùng sục. Dễ đã quá nửa đêm. Gió ào ào lòng đường, sột soạt miếng ny lông trên lưng ông xích lô đầu quả gáo như lão quan tàu Tưởng thất thế, vào giờ này tà tà đến làm chén rượu với bát cháo ấm bụng rồi ra ga Hàng Cỏ đón tàu chợ dưới Phòng lên. Lão cà phê bít tất nói vọng ra như khoe cho mọi người biết:

- Ông ấy là người Nhật?

Bác cháo gà Chử nhăn nhó ngược cặp mắt lông quặm kèm nhèm nhìn đám khách muộn. Chắc chẳng rõ ra người nào người nào, nhưng bác gật gù: Nhật à, giôtônay, giôtônay. Tự nhiên nhớ mấy chữ cốp nhật chế giễu của người thành phố này mỗi thời kỳ biến động đều vẽ nên được bức tranh thế sự bằng chữ nghĩa, ai cũng xì xồ vài ba câu: mét xì bô cu, măng giê ca ca... hầu sực, tả lố và vài năm có người Nhật đến lại thêm arigatô... giôtônay... Bác Chử chấp tay, cung kính: Mời các ông ngồi. Mấy chiếc ghế con được khớp lại thành bàn. Những mẩu củi trong lò đã vạc than được vét ra mặt đường làm đồng lửa sưởi cho mấy ông khách sau cùng. Bác moi ra cái chai rót đều, lại bưng một chén vào lão 81.

- Chẳng nói giấu gì chư vị, nhà em vừa làm một chén rồi. Lâu lắm mới lại trông thấy ông giôtônay, em xin hầu chư vị chén nữa.

Gió sồn quanh gáy, không ai biết cơn lạnh thít người. Bác Chử cất chai vào ngăn kéo lại lôi ra hai thanh tre mà mỗi hôm vừa đặt gánh, thằng con trai bác đã đi các phố quanh quanh chỗ vào đầu ngõ gõ sực tắc, sực tắc cho mọi người biết cháo gà đã đến.

Thanh tre kê xuống mặt đường nhựa, thanh tre sực tắc thành cái phách.

- Nhà em xin hầu cán bộ một khố.

Hãy còn giăng gió gió giăng

Đừng lo lắng thanh xuân bất tái

Biết rằng ai đã hơn ai...

Nguyễn Tuân hứng chí cầm cái ống khói bếp gỗ ngón tay đánh trống châu nhịp. Ông xích lô đầu quả gáo tưởng đi ngay, nhưng đã lại đương thiu thiu lúc ấy cũng nhóm dậy. Mỗi người một tâm sự ở cái ngã sáu đường đời này. Chẳng ai đoái hoài đến Aki ngồi yên, nước mắt lã chã. Aki khóc. Cũng không ai để ý những câu ư ử rên rỉ bát nháo gió giăng của bác hàng cháo. Im lặng một lúc lâu. Nguyễn Tuân vỗ lưng Aki:

- Mai đã đi rồi, Tokyo đương đợi anh. Tôi hò chúc Aki một bài đường trường từ biệt Hà Nội. Hãy giữ lâu được nỗi nhớ cái đêm đạm bạc này.

Chiều chiều mượn ngựa ông đô

Mượn kiệu chú lính đưa cô tôi về

Ngựa ô đi đến quán Lau

Ngựa hồng đủng đỉnh đi sau gò Diên...

Không rõ mấy câu ca dao Phú Yên ấy Aki hiểu đến đâu. Tôi thì tôi bồi hồi nhớ xưa kia những khi họp mặt thanh niên hay truyền bá quốc ngữ nghe Trường Đình Thi giọng Bắc lại hò Phú Ôn kể về người đàn ông lặn lội dắt vợ công con vượt đèo xa xứ kiếm miếng ăn. Người đứng cất tiếng hò cũng hốc hác não nề như người tha hương kia. Mỗi khi uống và buồn, Nguyễn Tuân thường bắt chước giọng Trường Đình Thi hò Phú Ôn. Có phải những câu hò ngơ ngẩn não lòng trong đêm lạnh giữa những con người đã trải mấy cuộc

đời làm rơi nước mắt xuống đường thành phố như dòng sông miên man, nhớ nhà, mà mừng trở về, không còn lệ ai chan chứa biết đi đâu về đâu như khi ở rừng Thượng Yên, mà khóc cũng chẳng vì lẽ gì. Nguyễn Tuân nhìn Aki. Nguyễn Tuân rút khăn tay chấm mắt. Ở câu hò Phú Ổn của con người ấy còn ngổn ngang bao nhiêu hơn cái thằng Aki trở về. Làm sao hiểu được những giọt nước mắt kia vì nỗi niềm ai.

(Về Tokyo, Shoisi Aki làm tổng thư ký đầu tiên của hội Nhật Việt hữu nghị. Hai năm sau, Aki lại sang Hà Nội. Nguyễn Tuân gửi tặng vợ và cô con gái Aki dương học nhạc viện mấy thước lụa vân tím màu mạn hậu. Chuyến ấy về, Aki bị bệnh gan và mắt).

Cụ tú Hải Văn đã cho cậu con trai mới lên mười theo đến nhà hát ả đào Hàng Giấy. Thơ Đỗ Mục, cụ tú dịch:

*Mười năm tình mộng châu Dương
Hồi thêm một tiếng phũ phàng ngày xanh*

Cụ tú Hải Văn, tác giả bài thơ tám chữ độc vận Ai, mà năm 1981, Nguyễn Tuân in tuyển tập đã viết tay trang đầu để trả lời một người chị có nhã ý hỏi về thơ cụ tú H.V. nhớ Huế, xin chép hầu chị bài thơ độc vận ai.

*Những là dặm liễu bay hồn khách
Nào thấy mảnh hoa thoáng bóng ai
Buồm thuận gió xuôi vui mặt bạn
Canh tàn rượu tỉnh giật mình ai
Cầm tay dặn với ba câu chuyện...*

Cuộc đời phóng túng và nếp nhà quan các cụ nội đại thần trị nhậm đất Sơn Tây, đã in đậm, đã mờ chõng lên ngày tháng đời con đời cháu từ bao giờ. Nhiều lần Nguyễn Tuân, Nguyên Hồng và tôi thường lên Sơn. Chúng tôi ngồi bên hào thành, dưới cây sừa. Mặc Nguyên Hồng với bà cai ách bán hàng - khuôn khổ người đẹp kiêu của ông ấy. Tôi hỏi Nguyễn Tuân: *Chữ người tử tù, Đình non Tân* và tất cả vang bóng của ông đều phảng phất Sơn Tây, thế ông đã đi ả đào ở Đông Tác chỗ gần chốt Nghệ kia chưa?, Nguyễn Tuân tùm tùm và lặng yên.

Truyện ký *Vang bóng một thời*, hình ảnh những ngày qua xa xưa. *Vang bóng một thời Tây* mà Nguyễn Tuân lúc nào cũng định viết, đã công bố trên trang *Cùng một tác giả* từ khi tập truyện ngắn *Vang bóng một thời* in lần thứ nhất. Thời ấy, thời Tây, mới thực Nguyễn Tuân, những nông nổi, những vang bóng của Nguyễn Tuân. Cái này tôi phải viết... Cái này ông phải viết... Viết chứ! Ở *Tùy bút 1, Tùy bút 2, Một chuyến đi* hay *Chiếc lư đồng mắt cua*, hay ở những tùy bút kháng chiến, những cái đã viết và những cái chưa viết mới chỉ là “mảnh hoa thoáng bóng ai” chứ chưa bao giờ Nguyễn Tuân thực đã viết.

[1] Bánh mì Do Thái mỏng như bánh đa, người Do Thái ăn với súp lạnh trong các dịp lễ lớn.

Chương 2



KHÁNG CHIẾN, Nguyên Hồng và Kim Lân đưa gia đình tản cư lên ấp Cầu Đen trên Nhả Nam. Các họa sĩ Trần Văn Cẩn, Tạ Thúc Bình, cả nhà bác Ngô Tất Tố cũng lên quay quần trên cái đồi thấp bấy giờ còn hoang vắng. Những vùng ở Xuân Áng (Phú Thọ) hay Quần Tín (Thanh Hóa) cũng tụ hội lại những làng văn nghệ sĩ kháng chiến. Nghe kể họa sĩ Trần Văn Cẩn được xã cấp cả ruộng, anh đi cày đã thạo. Tên cúng cơm ấp Cầu Đen, Nguyên Hồng đặt lại là ấp Đồi Cháy.

Chẳng hiểu vì sự tích gì. Các nhà ở đây cho đến khi hòa bình lập lại. Về Hà Nội, Nguyên Hồng và vợ con thuê cái gác hai một nhà ở phố Miriben cũ bên cạnh viện Mắt gần chợ Hôm. Nhớ những lần Nguyên Hồng rủ đến chơi nhà thường vào chiều thứ bảy. Dừng xe đạp ở cái sân chung nhớt nháp nhà dưới rồi lên gác. Nhà một buồng lũng cùng ba lô, tay nải. Chẳng khác trước kia ở dưới bãi Nghĩa Dũng. Chỉ thêm trẻ con chạy ra chạy vào lít nhít rối cả mắt. Chị ấy đã xin được làm nhân viên cửa hàng quốc doanh sách, đứng bán ở quầy góc nhà bách hóa tổng hợp bấy giờ, phía cửa đường Hàng Bài.

- Ngồi vào đây lấy chỗ cho mẹ nó kê cái hỏa lò. Chả rán phải chén nóng tại chỗ mới hay.

Nguyên Hồng lui cui dẹp quanh cho tôi ngồi tựa lưng vào tường trông ra chẳng chịt dây điện ngoài cửa sổ, lá xà cừ rụng bay rào rào. Nguyên Hồng không nói, nhưng tôi đã biết cái chả rán này rồi. Nguyễn Tuân chỉ nghe, đã lắc đầu, rửa chả rán Nguyên Hồng đãi cái thẳng xơi được bọ hung thì nó còn từ cái gì. Nguyên Hồng không khi nào mời Nguyễn Tuân và biết tôi thường thức được món tiêu táo cao cấp ấy, chủ nhà cũng chẳng cần báo trước. Ấy là cái nem Sà Goong nhân rau đàn bà để đã xin hay mua được ở nhà hộ sinh nào đấy. Nguyên Hồng thường ca tụng sức thần kỳ bổ và chữa bách bệnh của rau đàn bà để. Khi bị ãy lên Bắc Mê, tao ngồi viết được cả tập bút ký *Cuộc sống* lại còn sống mà dò được về đến Nam Định rồi lấy vợ cũng là nhờ cái phải gió ấy của trẻ sơ sinh. Mẹ tao ngâm rượu mật ong gửi lên Bắc Mê. Bấy giờ thì một cái rau ăn tươi cả nhà được tắm bổ! Nguyên Hồng cười hể hả.

Miếnng chả giò nóng ròn. Bát dấm pha không có ớt - chủ nhà không ăn ớt. Đĩa xà lách trắng ngần. Nhân trộn mộc nhĩ và miến. Kể ra cũng cảm thấy hơi hơi khác vị, nhưng vốn tính dễ ăn, tôi nhắm ngon lành bình thường.

Giữa năm 1957, Hội Nhà Văn được thành lập. Nguyên Hồng phụ trách tuần báo *Văn* của Hội. Đã nhiều năm làm nghề viết và trong kháng chiến có làm báo, làm xuất bản nhưng cũng là ngồi trong rừng điều khiển đôi quang gánh sách báo đi các chiến khu, chúng tôi bờ ngõ và háo hức những công việc mới.

Chín năm ở rừng, không có lương, quần áo phát theo mùa, xà phòng tắm và giặt cũng lĩnh ở kho từng miếng. Cơ quan sắm dao kéo, tông đơ mọi người húi đầu cho nhau. Văn Cao cắt tóc đẹp có tiếng, chỉ dùng kéo. Trở lại thành phố, khó đâu chữa biết, nhưng thức ăn và hàng hóa ê hề. Chiều chiều, uống bia Đức chai lùn bên gốc liễu nhà hàng Thủy Tạ. Nhà hàng Phú Gia, vang đỏ vang hồng vang trắng vỏ còn dính rơm như vừa lấy ở dưới hầm lên. Áo khoác da lông cừu Mông Cổ ấm rục, người ta mua về phá ra làm đệm ghế. Hàng Trung Quốc thôi thì thượng vàng hạ cám. Kim sào, kim khâu, chỉ màu, củ cải ca la thầu, sắng xấu, mì chính, xe đạp cái xe trâu cao ngồng. Cả xi rô ngọt pha vào bia cho những người mới tập tọng uống bia. Bắt đầu được lĩnh lương tháng. Không nhớ bao nhiêu, nhưng tối nào cũng có thể la cà hàng quán được. Có cảm tưởng cả loài người tiến bộ đồ tiền của đến mừng Việt Nam Điện Biên Phủ.

Chúng tôi ngỡ ngàng một cách khoan khoái. Đất nước như cánh đồng cày vỡ, chưa biết cấy hái ra thế nào. Vết thương cái cách ruộng đất, chỉnh đốn tổ chức còn đỏ hơn hồng khắp chợ thì quê. Các thành phố đã bắt đầu cải tạo tư sản. Báo chí hô trăm hoa đua nở, trăm nhà đua tiếng. Chẳng biết căn do của nước người ta ra sao, nhưng nghe khẩu hiệu khá sướng tai. Đến khi thấy nói có hoa thơm, có hoa thối! Lại mới ngỡ ra